TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đặng Hà Giang, bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thanh N**, sinh năm 1983;

Số CCCD: 083083022106;

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Hoài T**, sinh năm 1982;

Số CCCD: 083182005669;

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh N trình bày:

Ông N và bà Đỗ Thị Hoài T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 08/9/2006, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên cũng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T có những lời nói và hành động không tôn trọng ông N và gia đình ông N. Ông N đã nhiều lần hàn gắn, khuyên ngăn bà T, đồng thời ông N cố gắng chịu đựng vì con chung, tuy nhiên hiện nay ông N đã không thể tiếp tục hôn nhân với bà T. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau.

Nay tình cảm giữa ông N với bà T không còn nên ông N yêu cầu Tòa án cho ông N được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 24/11/2006, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bà Đỗ Thị Hoài T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Thanh N về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông N có phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt, không phải là mâu thuẫn lớn và không đến mức ly hôn. Ông N có chơi cờ bạc, bà T cũng nhiều lần khuyên ngăn ông N, bà T mong muốn ông N cho cơ hội để cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng vì con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 24/11/2006, hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N; về con chung hiện đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình: ông N phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông N yêu cầu ly hôn với bà T nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bà T có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông N và bà T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2006 nên hôn nhân của ông N và bà T là hợp pháp. Ông N cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T thường có hành vi chưởi bới, xúc phạm ông N và gia đình của ông, ông N đã cho bà T nhiều lần cơ hội nhưng bà T không sửa đổi, hiện nay ông N không còn tình cảm vợ chồng với bà T, đồng thời mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N cương quyết được ly hôn với bà T. Bà T cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, ông N có chơi cờ bạc và bà T cũng có khuyên ngăn. Bà T mong muốn ông N cho cơ hội để bà sửa đổi cùng nuôi con chung học xong chương trình đại học.

Xét thấy, tại phiên toà bà T thừa nhận vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, ông N cũng có sự vô tâm đối với gia đình, bà T mong muốn ông N cho cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nếu ông N cho cơ hội thì bà sẽ sửa đổi bản thân để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên ông N cương quyết ly hôn với bà T, ông N khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với bà T và xác định không thể nào hàn gắn được. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, Toà án đã cho các bên đương sự thời gian để cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà T thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 24/11/2006, hiện đã trưởng thành nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N, bà T đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Ông N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Thanh N đối với bà Đỗ Thị Hoài T. Ông N được ly hôn với bà T. Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 24/11/2006, hiện đã trưởng thành nên Toà án không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Ông N, bà T đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Huỳnh Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003734 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh V; ông N đã nộp đủ án phí.

5/ Các đương sự đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường S, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thi